

Bản án số: 209/2024/HS-ST
Ngày: 26/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tám
2. Bà Dương Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 217/2024/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với:

Bị cáo Nguyễn Thị H, Sinh năm: 1997; Giới tính: Nữ; Nơi TT: Phố CH 2, phường ĐH, thành phố TH, tỉnh TH; Chỗ ở hiện tại: 16/76 Nguyễn Trường Tộ, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: LĐTD; Con ông Nguyễn Thọ T, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963; Chồng: Nguyễn Hồng S, sinh năm 1996; Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt)

Những người có QLVNVLQ:

1. Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1993

Trú tại: SN ... HT, phường BD, thành phố TH, tỉnh TH (Có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991

Trú tại: SN ... LND, phường ĐH, TP.TH, tỉnh TH. (Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1997

Nơi TT: Xã HL, huyện HH, tỉnh TH (Vắng mặt)

4. Chị Lương Thị Thùy L, sinh năm 1989

Nơi TT: SN... NS, phường NN, thành phố TH, tỉnh TH. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ 25/11/2022 đến 10/01/2024 Nguyễn Thị H đã cho nhiều người vay tiền dưới hình thức vay thăm. Tổng số tiền H đã sử dụng để cho vay là 205.000.000đ, mức lãi suất 4.000đ/1 triệu/ngày, thời hạn vay là 50 ngày khách hàng phải thanh toán hết gốc và lãi, thu tiền trực tiếp tại nhà. Tuy nhiên do nhu cầu của khách vay nên các gói vay đều được đảo nợ trước hạn. Cụ thể:

1. Ngày 25/11/2022 Nguyễn Thị H cho chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1993 vay số tiền 20.000.000đ, trả gốc và lãi trong vòng 50 ngày, mỗi ngày phải trả 400.000đ. Khi giao tiền vay H cắt trước số tiền lãi của gói vay là 4.000.000đ, chị H1 thực nhận 16.000.000đ. Sau 30 ngày chị H1 trả được 12.000.000đ gốc (còn nợ 8.000.000đ gốc) thì đảo nợ để vay gói mới. Như vậy, tổng số lãi H đã thu được là 4.000.000đ, trong đó số tiền theo quy định là 547.947đ, số tiền thu lời bất chính là 3.452.053đ

Ngày 25/12/2022 Nguyễn Thị H lại cho chị H1 vay gói vay thứ 2, số tiền 20.000.000đ. Khi giao tiền H thu số tiền gốc còn nợ của gói vay trước 8.000.000đ và thu 4.000.000đ tiền lãi của gói vay này, số tiền còn lại chị H1 thực nhận là 8.000.000đ. Như vậy, tổng số lãi H đã thu được của gói vay thứ 2 là 4.000.000đ, trong đó số tiền theo quy định là 547.947đ, số tiền thu lời bất chính là 3.452.053đ

Ngày 25/01/2023 H tiếp tục cho chị H1 vay gói vay thứ 3 với số tiền 20.000.000đ. Khi giao tiền H thu số tiền gốc còn nợ của gói vay thứ 2 8.000.000đ và thu 4.000.000đ tiền lãi của gói vay 3, số tiền còn lại chị H1 thực nhận là 8.000.000đ. Ngày 25/02/2023 chị H1 thanh toán xong gói vay thứ 3. Như vậy, tổng số lãi H đã thu được của gói vay thứ 3 là 4.000.000đ, trong đó số tiền theo quy định là 547.947đ, số tiền thu lời bất chính là 3.452.053đ.

Ngày 25/02/2023 H lại tiếp tục cho chị H1 vay gói vay thứ 4 với số tiền 10.000.000đ. Khi giao tiền H thu 2.000.000đ tiền lãi của gói vay này, số tiền còn lại chị H1 thực nhận là 8.000.000đ. Ngày 24/3/2023 chị H1 thanh toán xong gói vay thứ 4. Như vậy, tổng số lãi H đã thu được của gói vay thứ 4 là 2.000.000đ, trong đó số tiền theo quy định là 273.973đ, số tiền thu lời bất chính là 1.726.027đ.

2. Ngày 21/11/2023 Nguyễn Thị H cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 vay số tiền 20.000.000đ, trả trong vòng 50 ngày, mỗi ngày phải trả 400.000đ. Khi giao tiền vay H thu trước số tiền lãi của gói vay là 4.000.000đ, chị T thực nhận 16.000.000đ. Sau 30 ngày chị T trả được 12.000.000đ gốc (còn nợ 8.000.000đ gốc) thì đảo nợ để vay gói thứ 2

Ngày 20/12/2023 chị T vay gói 2, cũng với số tiền 20.000.000đ, khi giao tiền H thu nợ gói 1 là 8.000.000đ và thu lãi gói 2 là 4.000.000đ, chị T thực nhận 8.000.000đ. Đến ngày 25/12/2023 chị T đã trả cho H 2.000.000đ, còn nợ 18.000.000đ.

Như vậy, tổng số lãi H đã thu được của cả hai gói vay là 8.000.000đ, trong đó số tiền lãi theo quy định là 1.095.900đ, số tiền thu lời bất chính là 6.904.100đ.

3. Ngày 12/12/2023 Nguyễn Thị H cho chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1997 vay số tiền 40.000.000đ, trả trong vòng 50 ngày, mỗi ngày phải trả 800.000đ. Khi giao tiền vay H thu trước số tiền lãi của gói vay là 8.000.000đ, chị Q thực nhận 32.000.000đ. Chị Q đã trả cho H được 20 ngày số tiền 16.000.000đ (còn nợ 24.000.000đ gốc) thì đảo nợ để vay gói thứ 2.

Ngày 01/01/2024 chị Q vay gói 2, cũng với số tiền 40.000.000đ, lãi suất như gói vay trước. Khi giao tiền H thu số tiền còn nợ của gói 1 là 24.000.000đ và thu lãi

gói 2 là 8.000.000đ, chị Q thực nhận 8.000.000đ. Đến ngày 06/01/2024 chị Q đã trả cho H 05 ngày số tiền 4.000.000đ, còn nợ 36.000.000đ.

Như vậy, tổng số lãi H đã thu được của cả hai gói vay là 16.000.000đ, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định là 2.192.000đ, số tiền thu lời bất chính là 13.808.000đ.

4. Ngày 26/12/2023 Nguyễn Thị H cho chị Lương Thị Thùy L, sinh năm 1989 vay số tiền 15.000.000đ, trả trong vòng 50 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ. Khi giao tiền vay H thu trước số tiền lãi của gói vay là 3.000.000đ, chị L thực nhận 12.000.000đ. Đến ngày 10/01/2024 (ngày ngăn chặn) Chị L đã trả cho H được 15 ngày tổng số tiền 4.500.000đ (còn nợ 10.500.000đ gốc). Tổng số tiền lãi H đã thu được của chị L là 3.000.000đ, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định là 411.000đ, số tiền thu lời bất chính là 2.589.000đ.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Nguyễn Thị H đã dùng số tiền 95.000.000đ của mình cho 04 khách vay và quay vòng nhiều lần. Sau nhiều lần quay vòng “đảo nợ” liên tiếp thì tổng số tiền H cho 4 khách vay là 205.000.000đ; Tổng số tiền lãi H đã thu là 41.000.000đ (Tương ứng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự). Trong đó số tiền lãi cao nhất được thu theo quy định của BLDS (20%/năm) là 5.616.710đ, số tiền thu lời bất chính là 35.383.290đ. Người vay còn nợ tổng 64.500.000đ tiền gốc (Gồm: Chị T nợ 18.000.000đ, chị Q nợ 36.000.000, chị L nợ 10.500.000đ).

Ngoài ra, qua điều tra còn xác định: Từ ngày 25/8/2022 đến ngày 25/10/2022, Nguyễn Thị H còn cho chị Trịnh Thị H1 vay 3 gói thăm, mỗi gói 20.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, thanh toán gốc và lãi trong 50 ngày cho mỗi gói vay. Tổng số tiền cho vay là 60.000.000đ, tổng lãi đã thu là 12.000.000đ, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định là 1.643.840đ, số tiền thu lời bất chính là 10.356.160đ. Do mức lãi suất H thu được đối với các gói vay này chưa đủ định lượng để xử lý hình sự và thời hiệu xử phạt hành chính đối với hành vi này đã hết nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi này của H.

Vật chứng vụ án: Hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa 01 điện thoại Iphone6 gắn sim số 0848 486 636 của Nguyễn Thị H dùng để liên lạc với khách vay.

Đối với 04 tờ giấy nhận tiền và 01 sổ ghi chép theo dõi các gói vay của khách vay do Nguyễn Thị H giao nộp hiện lưu giữ trong hồ sơ.

Về dân sự: Tại Cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Trịnh Thị H1, Nguyễn Thị T, Lương Thị Thùy L, Nguyễn Thị Kim Q không yêu cầu gì đối với số tiền lãi vượt quá quy định của BLDS đã trả cho H.

Tại Cáo trạng số 150/CTr-VKSTPTH ngày 25/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Áp dụng khoản 1,3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự tuyên bố Nguyễn

Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Xử phạt Nguyễn Thị H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ để nộp Ngân sách Nhà Nước; Truy thu nộp NSNN số tiền 95.000.000đ là công cụ phương tiện phạm tội (thu từ bị cáo 30.500.000đ; Thu từ chị T 18.000.000đ; Thu từ chị Q 36.000.000đ; Thu từ chị L 10.500.000đ); Truy thu nộp NSNN số tiền do phạm tội mà có là 5.616.710đ; Đối với số tiền thu lời bất chính 35.383.290đ, những người vay không yêu cầu bị cáo bồi thường do đó ghi nhận ý kiến của người vay, không buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm dân sự đối với số tiền này. Tịch thu 01 điện thoại Iphone 6 gắn sim số 0848486636 của Nguyễn Thị H để nộp NSNN; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

Người có QLNVLQ Trịnh Thị H1 giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Cơ quan điều tra. Không yêu cầu bị cáo bồi thường đối với số tiền lãi chị H1 đã trả cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 25/11/2022 đến ngày 10/01/2024, tại thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá, bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi dùng số tiền 95.000.000đ cho 04 người (gồm Trịnh Thị H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kim Q, Lương Thị Thuỳ L) vay lấy lãi theo hình thức vay thăm. Sau nhiều lần liên tiếp vay và “đảo nợ”, tổng số tiền bị cáo cho 4 người vay là 205.000.000đ; Mức lãi suất là 4.000đ/triệu/ngày, bằng 146%/năm, gấp 7,3 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Thu lời bất chính số tiền 35.383.290 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Viện kiểm sát nhân dân TP. Thanh Hóa truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý tiền tệ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để đảm bảo tính răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51- Bộ luật hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Nhân thân tốt.

Xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, số tiền bị cáo thu lợi bất chính không ở mức cao theo quy định của điều luật. Vì vậy HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, và áp dụng

hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo; Đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa và đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật. Xét bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Đối với hành vi từ ngày 25/8/2022 đến ngày 25/10/2022, Nguyễn Thị H cho chị Trịnh Thị H1 vay 3 gói thăm, mỗi gói 20.000.000đ, thời hạn 50 ngày. Tổng số tiền cho vay là 60.000.000đ, tổng lãi đã thu là 12.000.000đ, trong đó, số tiền thu lãi bất chính là 10.356.160đ. (Các bên đã thanh toán xong).

Do khoản tiền thu lợi bất chính của các lần vay này dưới 30.000.000đ; Thời hiệu xử phạt hành chính đối với hành vi này cũng đã hết. Do đó cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi này của Huệ là đúng quy định. (Theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của HĐTP TAND Tối cao).

[5] Vật chứng vụ án: 01 điện thoại Iphone 6 gắn sim số 0848 486 636 của Nguyễn Thị H dùng để liên lạc với khách vay là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 106 - Bộ luật TTHS.

[6] Biện pháp tư pháp: Mặc dù bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền cho vay là 205.000.000đ. Song thực tế bị cáo chỉ dùng số tiền gốc ban đầu là 95.000.000đ để quay vòng cho vay liên tiếp nhiều lần. Vì vậy xác định số tiền gốc 95.000.000đ là công cụ phương tiện phạm tội; Số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 của khoản vay là 5.616.710đ đồng là tiền do phạm tội mà có. Vì vậy truy thu hai khoản trên nộp Ngân sách Nhà nước. Số tiền gốc 95.000.000đ những người vay còn nợ bị cáo 64.500.000đ, vì vậy truy thu từ bị cáo 30.500.000đ, truy thu từ người vay 64.500.000đ. Số tiền lãi vượt quá 20%/năm của khoản vay: 35.383.290 đồng là tiền thu lợi bất chính. Tại cơ quan điều tra những người vay (chị H1, chị T, chị Q, chị L) không yêu cầu bị cáo trả lại. Tại phiên tòa chị H1 có mặt và giữ nguyên quan điểm không yêu cầu bị cáo trả số tiền thu lợi bất chính của chị. Vì vậy ghi nhận ý kiến của chị H1 không buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm dân sự đối với số tiền lãi vượt quá 20%/năm đã thu của chị H1. Chị T, chị Q, chị L không có mặt tại phiên tòa, số tiền các chị vay không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên buộc bị cáo trả lại cho người vay theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Phù hợp với nội dung mục 1 phần I Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của TAND tối cao; Mục 3 công văn 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của TAND tối cao v/v “Trao đổi nghiệp vụ”

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS; khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND phường ĐH, thành phố TH, tỉnh TH giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Thanh Hoá nhận được bản án và quyết định thi hành án. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

Vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng nhạt, Imel: 359258068280362, điện thoại gắn kèm sim của Nguyễn Thị H. Vật chứng đang được thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thanh Hoá, theo “Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản” số 136/2024/THA ngày 01/4/2024 giữa Công an thành phố Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

- *Biện pháp tư pháp:* Truy thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 36.116.710đ (*Ba mươi sáu triệu một trăm mười sáu ngàn bảy trăm mười đồng*); Truy thu của chị Nguyễn Thị T số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*); Truy thu của chị Nguyễn Thị Kim Q số tiền 36.000.000 (*Ba mươi sáu triệu đồng*); Truy thu của chị Lương Thị Thuỳ L số tiền 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị H1 về việc không yêu cầu bị cáo trả lại tiền thu lợi bất chính cho chị; Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 6.904.100đ (*Sáu triệu chín trăm linh tư ngàn một trăm đồng*); Trả cho chị Nguyễn Thị Kim Q số tiền 13.808.000đ (*Mười ba triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng*); Trả cho chị Lương Thị Thuỳ L số tiền 2.589.000đ (*Hai triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng*).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 - BLTTHS; khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ án phí HSST.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị H và chị Trịnh Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Kim Q, chị Lương Thị Thuỳ L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Thanh Hóa;
- Người có QLNVLQ;
- Công an thành phố Thanh Hóa;
- Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Nga